

CÔNG TY CP DOMENAL

Mã cổ phiếu: DMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: **22/2025/DMN**

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
QUÝ CỔ ĐÔNG

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần Domenal thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán **năm 2024** như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

- Mã chứng khoán: DMN
- Địa chỉ: Quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: 0277.3890711 – 039 5551044
- Email: ngocyen.dmn@gmail.com hoặc vodinhhai2011@gmail.com
- Website: <http://domenal.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2024

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC kiểm toán năm 2024:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại năm 2024:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 19/03/2025 tại đường dẫn: <http://domenal.com.vn/quan-he-co-dong.html>

Trân trọng!

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán 2024
- Văn bản giải trình

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS để b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyen Thanh Ha

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 34



CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Domenal là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMN
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 12.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 125.000.000.000 VND
- Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

Nghành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, các loại hóa chất.);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Ông Võ Đình Ân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2024
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2024
Ông Võ Đình Hải	Thành viên	Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2024

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**Ban Kiểm soát**

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Bà Nguyễn thị Mỹ Duyên	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 26/11/2024
Bà Nguyễn Ngọc Yến	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm từ ngày 26/11/2024
Bà Lê Thị Bảo Trâm	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Bà Phan Thị Cẩm Hường	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2024
Bà Trần Thuý Vân	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2024

Ban quản lý điều hành

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2024
Bà Nguyễn Thị Kiều	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2024

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2024

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính, kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THÀNH HÀ
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 3 năm 2025



Số: 170/2025/BCKT-HCM.00247

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Domenal (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Domenal tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 5.2 và 5.18 của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã thực hiện việc xoá sổ và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp đối với các khoản nợ khách hàng không còn khả năng thanh toán với tổng số tiền là 27.684.733.976 VND, theo Nghị Quyết số 15/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Đại Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2025

NGUYỄN NGỌC ANH TRÚC
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5517-2021-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.278.684.278	264.557.510.278
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	81.407.248	2.181.317.970
Tiền	111		81.407.248	2.181.317.970
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.436.058.830	242.775.387.583
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	123.192.519.100	237.301.907.093
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.080.768.730	5.341.893.490
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	162.771.000	131.587.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.5	69.658.220.203	17.466.477.766
Hàng tồn kho	141		69.658.220.203	17.466.477.766
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.102.997.997	2.134.326.959
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	243.060.771	274.389.733
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.859.937.226	1.859.937.226
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.441.490.389	209.614.328.412
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		70.674.806.664	32.416.196.905
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	60.140.971.499	21.882.361.740
Nguyên giá	222		127.397.512.111	83.977.037.715
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.256.540.612)	(62.094.675.975)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	10.533.835.165	10.533.835.165
Nguyên giá	228		10.563.835.165	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	38.415.134.271
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	-	38.415.134.271
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	137.400.000.000	137.400.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		108.000.000.000	108.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		29.400.000.000	29.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.366.683.725	1.382.997.236
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	2.366.683.725	1.382.997.236
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		406.720.174.667	474.171.838.690

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		243.576.785.177	311.809.510.827
Nợ ngắn hạn	310		195.442.368.827	262.675.094.477
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	11.045.244.768	13.402.641.167
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	7.171.272.136	55.920.827.450
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	263.941.339	5.068.158.846
Phải trả người lao động	314		1.017.051.627	964.560.663
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	450.771.572	489.038.105
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	5.739.391.623	6.830.973.694
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	169.754.695.762	179.998.894.552
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		48.134.416.350	49.134.416.350
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	6.500.000.000	6.500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	41.634.416.350	42.634.416.350
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163.143.389.490	162.362.327.863
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	163.143.389.490	162.362.327.863
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.974.148.571	5.974.148.571
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.169.240.919	31.388.179.292
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.388.179.292	13.775.259.191
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		781.061.627	17.612.920.101
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		406.720.174.667	474.171.838.690


NGUYỄN THỊ KIỀU
Người lập biểu/ Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH HÀ
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 12 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		509.371.275.000	701.644.735.640
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	509.371.275.000	701.644.735.640
Giá vốn hàng bán	11	6.2	464.128.414.763	663.055.904.967
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.242.860.237	38.588.830.673
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.782.301.032	2.340.639.157
Chi phí tài chính	22	6.4	15.256.797.549	14.706.405.555
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		15.240.626.154	14.696.970.748
Chi phí bán hàng	25	6.5	66.850.300	73.955.400
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	30.445.577.826	2.983.925.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.255.935.594	23.165.183.677
Thu nhập khác	31		185.000	156.056.406
Chi phí khác	32	6.7	223.322.372	640.826.408
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		(223.137.372)	(484.770.002)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.032.798.222	22.680.413.675
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.13	251.736.595	5.067.493.574
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		781.061.627	17.612.920.101

**NGUYỄN THỊ KIỀU**

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

**NGUYỄN THANH HÀ**

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 3 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.032.798.222	22.680.413.675
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5.161.864.637	3.741.520.756
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		-	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.159.259	9.434.807
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.361.405)	(48.819.010)
Chi phí lãi vay	06		15.240.626.154	14.696.970.748
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		21.439.086.867	41.079.520.976
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		118.339.328.753	(68.607.758.068)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(52.191.742.437)	13.816.517.733
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(52.181.643.222)	27.610.467.817
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(952.357.527)	(759.521.101)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.233.178.985)	(14.664.806.736)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.13	(5.071.059.662)	(3.900.981.966)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		14.148.433.787	(5.426.561.345)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(5.005.340.125)	(39.019.160.271)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	46.296.296
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.361.405	2.522.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.003.978.720)	(38.970.341.261)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	502.580.724.929	643.313.256.350
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(513.824.923.719)	(600.676.793.948)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(16.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.244.198.790)	42.619.962.402
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(2.099.743.723)	(1.776.940.204)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60		2.181.317.970	3.967.692.981
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(166.999)	(9.434.807)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	81.407.248	2.181.317.970


NGUYỄN THỊ KIỀU
Người lập biểu/ Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH HÀ
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 12 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 125.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và theo Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMN
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 12.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 125.000.000.000 VND
- Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết được chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Lô 06A, đường Trục Chính, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	39,2%	39,2%	39,2%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 68 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 68 người).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị văn phòng	04
Tài sản cố định khác	04

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi. Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan.

Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

4.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Đối tượng sau đây được xem là các bên liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	4.052.487	6.620.416
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	73.191.376	2.170.409.388
- USD (*)	4.163.385	4.288.166
	81.407.248	2.181.317.970

(*) Tiền gửi ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 164,88 USD tương đương 4.163.385 VND.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác (*)		
Đinh Quý Lâm	31.440.841.848	-
Hợp tác xã Nuôi trồng Thủy sản Thốt Nốt	30.889.085.775	41.097.749.754
Nguyễn Văn Mừng	16.082.529.323	14.799.120.479
Trần Văn Kiệm	14.871.789.057	10.800.219.340
Các khách hàng khác	29.908.273.097	170.604.817.520
	123.192.519.100	237.301.907.093

Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2024. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện việc xóa sổ và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp đối với các khoản nợ phải thu khó đòi, khách hàng không còn khả năng thanh toán với tổng số tiền là 27.684.733.976 VND (- xem thêm mục tại 5.18 và 6.6.)

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước các tổ chức khác		
Công ty TNHH Kinh doanh Nông sản Việt Nam	505.000.000	-
Công ty TNHH Máy và Thiết bị công nghiệp Hoá Chất - Môi trường MECIE	219.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Wilmar Agro Việt Nam tại Thốt Nốt	146.480.730	8.246.830
Các nhà cung cấp khác	210.288.000	5.333.646.660
	1.080.768.730	5.341.893.490

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng án phí	131.587.000	-	131.587.000	-
Tạm ứng nhân viên	30.000.000	-	-	-
Khác	1.184.000	-	-	-
	162.771.000	-	131.587.000	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.496.841.420	-	15.823.698.722	-
Công cụ, dụng cụ	882.449.736	-	667.691.169	-
Thành phẩm	3.267.059.047	-	975.087.875	-
Hàng hoá	10.011.870.000	-	-	-
	69.658.220.203	-	17.466.477.766	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ dụng cụ	136.124.428	248.635.069
Chi phí bảo hiểm	42.487.500	25.754.664
Chi phí sửa chữa	64.448.843	-
	243.060.771	274.389.733

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí sửa chữa, xây dựng	482.456.830	198.835.110
Công cụ dụng cụ	1.884.226.895	1.184.162.126
	2.366.683.725	1.382.997.236

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.7	Tinh hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	58.319.083.985	20.174.964.834	3.841.081.696	956.443.200	83.977.037.715		
Tăng do mua mới trong năm	-	389.950.000	-	-	389.950.000		
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	43.030.524.396	-	-	43.030.524.396		
Tại ngày 31/12/2024	58.319.083.985	63.595.439.230	3.841.081.696	956.443.200	127.397.512.111		
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2024	40.300.750.997	16.383.132.799	3.841.081.382	956.443.200	62.094.675.975		
Khấu hao trong năm	2.856.891.552	2.283.606.771	314	-	5.161.864.637		
Tại ngày 31/12/2024	43.157.642.549	18.666.739.570	3.841.081.696	956.443.200	67.256.540.612		
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2024	18.018.332.988	3.791.832.035	314	-	21.882.361.740		
Tại ngày 31/12/2024	15.161.441.436	44.928.699.660	-	-	60.140.971.499		

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2024	-	12.212.833.940	3.575.481.696	956.443.200	600.000.000	17.344.758.836
Tại ngày 31/12/2024	-	10.818.297.834	3.841.081.696	956.443.200	600.000.000	16.215.822.730

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc được thế chấp tại ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại là 15.161.441.436 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 18.018.332.988 VND).

5.8
Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Tại ngày 31/12/2024	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2024	-	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	10.533.835.165	-	10.533.835.165
Tại ngày 31/12/2024	10.533.835.165	-	10.533.835.165

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2024	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2024	-	30.000.000	30.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại là 10.533.835.165 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.533.835.165 VND).

5.9
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2024 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ VND	31/12/2024 VND
Máy ép đùn	14.476.409.405	836.292.164	(15.312.701.569)	-
Máy sấy khô	15.116.928.153	873.294.490	(15.990.222.643)	-
Máy nghiền	5.540.558.510	317.793.156	(5.858.351.666)	-
Máy sắn	1.730.832.375	99.988.990	(1.830.821.365)	-
Hệ thống tủ điều khiển	1.550.405.828	14.053.325	(1.564.459.153)	-
Trạm điện	-	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-
Máy nén khí trực vít, máy sấy khí, bình nén khí, bộ lọc khí	-	273.968.000	(273.968.000)	-
	38.415.134.271	4.615.390.125	(43.030.524.396)	-

5.10
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát (1)	108.000.000.000	-	(*)	108.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát (2)	29.400.000.000	-	(*)	29.400.000.000	-	(*)
	137.400.000.000	-		137.400.000.000	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

- (1) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát với số tiền là 108.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ sở hữu 100%. Hoạt động chính của Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- (2) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát với số tiền 29.400.000.000 VND sở hữu 2.940.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,2% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH MTV Nông sản Ngọc Hưng Phát	2.892.496.180	2.892.496.180	696.320.000	696.320.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Trang SG	2.202.471.770	2.202.471.770	5.049.398.449	5.049.398.449
Công ty TNHH MTV Châu Ngọc	1.130.975.000	1.130.975.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	4.819.301.818	4.819.301.818	7.656.922.718	7.656.922.718
	11.045.244.768	11.045.244.768	13.402.641.167	13.402.641.167

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Nguyễn Hồ Trung Tín	6.281.781.785	10.095.299.000
Ngô Thị Minh Anh	759.500.000	-
Các khách hàng khác	129.990.351	45.825.528.450
	7.171.272.136	55.920.827.450

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024 Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm		31/12/2024 Phải nộp VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.067.547.186	251.736.595	(5.071.059.662)	248.224.119
Thuế thu nhập cá nhân	534.500	92.018.850	(77.201.500)	15.351.850
Thuế tài nguyên	77.160	3.902.280	(3.614.070)	365.370
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	5.068.158.846	350.657.725	(5.154.875.232)	263.941.339

Thuế giá trị gia tăng

Công ty sản xuất và kinh doanh sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được ước tính như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.032.798.222	22.680.413.675
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	225.884.752	2.657.054.194
Thu nhập tính thuế	1.258.682.974	25.337.467.869
Thuế suất TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	251.736.595	5.067.493.574

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay	235.704.716	228.257.547
Tiền điện	208.135.734	260.780.558
Khác	6.931.122	-
	450.771.572	489.038.105

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	353.446.702	274.713.302
Cổ tức phải trả	205.875.000	205.875.000
Phải trả, phải nộp khác	5.180.069.921	6.350.385.392
	5.739.391.623	6.830.973.694

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	6.500.000.000	6.500.000.000
	6.500.000.000	6.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.16.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (*)	169.754.695.762	169.754.695.762	179.998.894.552	179.998.894.552
	169.754.695.762	169.754.695.762	179.998.894.552	179.998.894.552

(*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Chiểu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/8149071/HĐTD ngày 12/11/2024:

Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Hạn mức	: 180.000.000.000 VND
Thời hạn	: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức nhưng tối đa không vượt quá ngày 15/11/2025
Lãi suất	: Từ 6,20% - 7,00%/năm
Hình thức đảm bảo	: Tỷ lệ tài sản đảm bảo sau quy đổi tối thiểu là 70% tại mọi thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các tài sản đảm bảo đang thế chấp tại BIDV - CN Bà Chiểu – xem thêm thuyết minh 5.7 và 5.8
Tại ngày 31/12/2024	: 169.754.695.762 VND

Thông tin về khoản vay ngắn hạn như sau:

	01/01/2024	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	179.998.894.552	502.580.724.929	(512.824.923.719)	169.754.695.762
	179.998.894.552	502.580.724.929	(512.824.923.719)	169.754.695.762

5.16.2 Vay dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn phải trả các cá nhân, tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (1)	21.634.416.350	21.634.416.350	22.634.416.350	22.634.416.350
Vay cá nhân – Bà Hồ Thị Kim Thoa (2)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	41.634.416.350	41.634.416.350	42.634.416.350	42.634.416.350

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông tin về các khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2024	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền thanh toán trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng dài hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
- Chi nhánh Bà Chiểu	22.634.416.350	-	(1.000.000.000)	21.634.416.350
Vay cá nhân				
- Bà Hồ Thị Kim Thoa	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
	42.634.416.350	-	(1.000.000.000)	41.634.416.350

Chi tiết hợp đồng vay như sau:

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu

Hợp đồng vay : Hợp đồng tín dụng số 01/2023/8149071/HĐTD ngày 11/07/2023

Mục đích : Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh

Số tiền : 23.483.000.000 VND

Thời hạn : 120 tháng (tính từ ngày 11/07/2023)

Lãi suất : 8,80%/năm

Lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm. Lãi suất cho vay kể từ ngày 01/07/2024 bằng lãi suất tiết kiệm dân cư bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của BIDV niêm yết + 4%/năm.

Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Domenal tại địa chỉ Quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Gồm Máy nghiền (theo Hợp đồng số 111-2614 ngày 02/03/2023), máy ép đùn Ex1250 và máy sấy CZD3x16XW

Tại ngày 31/12/2024 : 21.634.416.350 VND

(2) Vay cá nhân - Bà Hồ Thị Kim Thoa

Hợp đồng vay : 01/GTKH/DMN_HTKT ngày 30/05/2023

Mục đích : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Số tiền : 20.000.000.000 VND

Thời hạn : 36 tháng (từ ngày 01/06/2023 đến ngày 31/05/2026)

Lãi suất : 8,00%/năm

Tài sản đảm bảo : Không có tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2024 : 20.000.000.000 VND

5.16.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.17 Vốn chủ sở hữu "CSH"**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	125.000.000.000	2.844.843.798	16.904.563.964	144.749.407.762
Lãi trong năm	-	-	17.612.920.101	17.612.920.101
Trích lập quỹ	-	3.129.304.773	(3.129.304.773)	-
Tại ngày 31/12/2023	125.000.000.000	5.974.148.571	31.388.179.292	162.362.327.863
Tại ngày 01/01/2024	125.000.000.000	5.974.148.571	31.388.179.292	162.362.327.863
Lãi trong năm	-	-	781.061.627	781.061.627
Tại ngày 31/12/2024	125.000.000.000	5.974.148.571	32.169.240.919	163.143.389.490

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

	31/12/2024			01/01/2024		
	Cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)
Ông Võ Đình Ân	8.996.720	89.967.200.000	71,97%	8.996.720	89.967.200.000	71,97%
Các cổ đông khác	3.503.280	35.032.800.000	28,03%	3.503.280	35.032.800.000	28,03%
	12.500.000	125.000.000.000	100,00%	12.500.000	125.000.000.000	100,00%

5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.18.1 Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	164,88	184,68

5.18.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	Nguyên nhân xóa sổ
Nguyễn Văn Tâm	2.463.050.588	-	- Không có khả năng thu hồi
Nguyễn An Khanh	62.237.100	-	- Không có khả năng thu hồi

	31/12/2024	01/01/2024	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Nguyễn Văn Dạng	1.197.929.150	-	Không có khả năng thu hồi
Phạm Thị Kiều	1.002.548.330	-	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Kim Khiết	2.620.588.810	-	Không có khả năng thu hồi
Huỳnh Văn Thi	1.033.673.825	-	Không có khả năng thu hồi
Võ Văn Hồng	1.937.321.206	-	Không có khả năng thu hồi
Võ Văn Bé	38.282.433	-	Không có khả năng thu hồi
Trần văn Phúc	604.516.663	-	Không có khả năng thu hồi
Phan Thị Mơ	4.831.250	-	Không có khả năng thu hồi
Phan Văn Dũng	462.978.775	-	Không có khả năng thu hồi
Phạm Thanh Trà	523.626.972	-	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần STEVINA	680.000.000	-	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Việt Thuận Tiến	57.840.000	-	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Thị Thúy Vi	180.641.217	-	Không có khả năng thu hồi
Trần Văn Thức	104.952.643	-	Không có khả năng thu hồi
Huỳnh Thanh Bình	1.553.290.285	-	Không có khả năng thu hồi
Trần Hữu Nghĩa	3.190.231.260	-	Không có khả năng thu hồi
Lê Thanh Vân	22.403.178	-	Không có khả năng thu hồi
DNTN Thanh Hải	3.400.000.000	-	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH MTV Minh Chánh	2.697.792.212	-	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Văn Niên	474.425.214	-	Không có khả năng thu hồi
Phạm Minh Phương	20.580.509	-	Không có khả năng thu hồi
Hà Thanh Nhựt	1.067.396.819	-	Không có khả năng thu hồi
Đặng Thụy Tường	2.086.190.537	-	Không có khả năng thu hồi
Hồ Văn Đệ	197.405.000	-	Không có khả năng thu hồi
	27.684.733.976	-	

Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2024. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện việc xóa sổ và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp đối với các khoản nợ phải thu khó đòi, khách hàng không còn khả năng thanh toán với tổng số tiền là 27.684.733.976 VND.

6.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	73.584.181.800	163.643.907.640
Doanh thu bán thành phẩm	435.787.093.200	538.000.828.000
Doanh thu thuần	509.371.275.000	701.644.735.640

6.2

Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	69.793.188.600	157.741.324.580
Giá vốn bán thành phẩm	394.335.226.163	505.314.580.387
	464.128.414.763	663.055.904.967

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	1.361.405	2.522.714
Lãi bán hàng trả chậm	1.780.939.627	2.338.116.443
	1.782.301.032	2.340.639.157

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	15.240.626.154	14.696.970.748
Chi phí tài chính khác	11.012.136	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	5.159.259	9.434.807
	15.256.797.549	14.706.405.555

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	66.850.300	73.955.400
	66.850.300	73.955.400

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.220.399.240	1.503.432.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.912.162	258.813.445
Xoá sổ các khoản nợ phải thu không thể thu hồi	27.684.733.976	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.273.532.448	1.221.679.724
	30.445.577.826	2.983.925.198

6.7 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	222.172.867	8.916.448
Phạt vi phạm hành chính	-	549.450.857
Chi phí khác	1.149.505	82.459.103
	223.322.372	640.826.408

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	396.841.662.750	261.777.644.644
Chi phí nhân công	7.243.829.264	3.699.816.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.161.864.637	1.875.067.873
Xoá sổ các khoản nợ phải thu không thể thu hồi	27.684.733.976	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.646.545	225.721.169
Chi phí bằng tiền khác	14.489.851.702	7.405.270.438
	451.728.588.874	274.983.520.146

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	502.580.724.929	643.313.256.350
	502.580.724.929	643.313.256.350

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	513.824.923.719	600.676.793.948
	513.824.923.719	600.676.793.948

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Các khoản vay và nợ	169.754.695.762	41.634.416.350	211.389.112.112
Phải trả người bán	11.045.244.768	-	11.045.244.768
Chi phí phải trả	443.840.450	-	443.840.450
Các khoản phải trả khác	5.385.944.921	6.500.000.000	11.885.944.921
	186.629.725.901	48.134.416.350	234.764.142.251
Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Các khoản vay và nợ	179.998.894.552	42.634.416.350	222.633.310.902
Phải trả người bán	13.402.641.167	-	13.402.641.167
Chi phí phải trả	489.038.105	-	489.038.105
Các khoản phải trả khác	6.556.260.392	6.500.000.000	13.056.260.392
	200.446.834.216	49.134.416.350	249.581.250.566

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố tài sản của mình vào các khoản vay (thuyết minh số 5.7 và 5.8).

Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2023.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.407.248	2.181.317.970	81.407.248	2.181.317.970
Phải thu khách hàng	123.192.519.100	237.301.907.093	123.192.519.100	237.301.907.093
Phải thu khác	132.771.000	131.587.000	132.771.000	131.587.000
	123.406.697.348	239.614.812.063	123.406.697.348	239.614.812.063
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	211.389.112.112	222.633.310.902	211.389.112.112	222.633.310.902
Phải trả người bán	11.045.244.768	13.402.641.167	11.045.244.768	13.402.641.167
Chi phí phải trả	443.840.450	489.038.105	443.840.450	489.038.105
Các khoản phải trả khác	11.885.944.921	13.056.260.392	11.885.944.921	13.056.260.392
	234.764.142.251	249.581.250.566	234.764.142.251	249.581.250.566

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác		
Nguyễn Thanh Hà Tổng Giám đốc	204.480.000	204.480.000
Võ Đình Hải Thành viên HĐQT	90.480.000	90.480.000
Nguyễn Thị Mỹ Duyên Trưởng ban kiểm soát	7.346.666	-
Nguyễn Ngọc Yến Trưởng ban kiểm soát	93.442.400	86.510.328
Phan Thị Cẩm Hương Thành viên ban kiểm soát	143.971.490	131.933.851
Nguyễn Thanh Bình Thành viên ban kiểm soát	-	60.068.868
Trần Thuý Vân Thành viên ban kiểm soát	-	37.975.362
Nguyễn Thị Kiều Kế toán trưởng	96.000.000	96.000.000
	635.720.556	707.448.409

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:*

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty không có phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan:

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty không có số dư với các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


NGUYỄN THỊ KIỀU

Người lập biểu/ Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH HÀTổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 12 tháng 3 năm 2025

CTY CP DOMENAL

Mã cổ phiếu: DMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: **23/2025/DMN**

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 03 năm 2025

V/v: *Giải trình lợi nhuận chênh lệch
hơn 10% của năm 2024 so năm 2023*

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
QUÝ CỔ ĐÔNG

Công Ty Cổ Phần Domenal kính giải trình lợi nhuận sau thuế chênh lệch hơn 10% của năm 2024 so với năm 2023 như sau:

Nợ phải thu khó đòi đã tồn tại nhiều năm nhưng năm 2023 chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ theo quy định vì lãnh đạo Công ty muốn quyết tâm thu hồi cho được, điều này là chưa đúng quy định hiện hành.

Năm 2024 Công ty đã trích lập dự phòng và xử lý nợ phải thu khó đòi đầy đủ theo quy định với số tiền hơn 27 tỷ đồng đã làm tăng chi phí, điều này đồng nghĩa với lợi nhuận của năm 2024 giảm xuống tương ứng. Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2024 vì vậy chỉ đạt dưới 1 tỷ đồng

Việc trích lập dự phòng, xử lý và đưa vào chi phí như trên là thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua; Thực hiện theo đúng công văn số 13/CV-DMN ngày 13/04/2024 về giải trình và cam kết của Công ty với Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội; Và thực hiện theo đúng quy định Pháp luật hiện hành.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS để b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hà